

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023  
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới,  
nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp  
xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW); Kế hoạch số 19-KH/TW ngày 27/11/2023 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 19-KH/TW), Tỉnh ủy Yên Bái ban hành Chương trình hành động thực hiện, với các nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

- Phổ biến, quán triệt và thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh.

- Cụ thể hóa đầy đủ quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển và các mục tiêu, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 42-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực và là căn cứ để các cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nhằm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra.

**2. Yêu cầu**

- Bám sát các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025, các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, quy hoạch, chương trình, kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển của tỉnh.



- Ban hành các đề án, chính sách, kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành; công tác kiểm tra, giám sát; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện chính sách xã hội trong giai đoạn mới.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm**

- Chính sách xã hội là chính sách chăm lo cho con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu, động lực, nguồn lực để phát triển bền vững đất nước.

- Thực hiện chính sách xã hội chăm lo cho người dân là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội là điều kiện cần thiết để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, chỉ số hạnh phúc của người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng tỉnh Yên Bái phát triển nhanh, bền vững theo hướng “*xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc*”.

- Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm chính sách xã hội; đảm bảo phát triển hài hòa giữa vùng thấp với vùng cao, giữa thành thị với nông thôn, giữa các dân tộc trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện để Nhân dân được thụ hưởng thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước. Thực hiện chính sách xã hội phải đặt trong tổng thể quản lý phát triển xã hội bền vững; giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, bảo đảm an sinh cho Nhân dân trong quá trình phát triển.

- Chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, có hiệu quả, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng; tăng cường lồng ghép các nguồn lực triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường phân cấp, phân quyền; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Nhà nước, tư nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng và Nhân dân trong quản lý phát triển xã hội bền vững.

- Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện các chính sách xã hội đặc thù của địa phương đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.



- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và Nhân dân; động viên sự tham gia tích cực của Nhân dân, doanh nghiệp. Khơi dậy và phát huy tinh thần đại đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội.

## **2. Mục tiêu**

### ***2.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030***

Thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần và chỉ số hạnh phúc của Nhân dân, phấn đấu đưa Yên Bái nằm trong nhóm tỉnh phát triển hàng đầu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về giáo dục, y tế, nhà ở, thông tin, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, đảm bảo cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của Nhân dân. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

### ***2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030***

(1) Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

(2) Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, tỷ lệ lao động qua đào tạo, có văn bằng, chứng chỉ đạt 45%; 50% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và 40% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

(3) 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định.

(4) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2024-2025 đạt bình quân 3%/năm (riêng 2 huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải giảm trên 6,5%/năm); giai đoạn 2026-2030 giảm bình quân 2-2,5%/năm (riêng huyện Trạm Tấu,



huyện Mù Cang Chải giảm trên 5%/năm) theo chuẩn nghèo từng thời kỳ. Tỷ lệ hộ nghèo trong các dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn giảm bằng 1,5 lần so với mức giảm tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh trong từng giai đoạn.

(5) Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phần đầu đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; duy trì 8/9 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; tỉ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,7%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 97%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%.

(6) Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75 tuổi, số năm sống khoẻ đạt tối thiểu 68 năm; nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI); Có 15 bác sỹ trên 1 vạn dân; 37 giường bệnh trên 1 vạn dân; 02 dược sỹ trên 1 vạn dân; 30 điều dưỡng viên trên 1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 97%; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khoẻ; tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt trên 98%; tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 18%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

(7) Tối thiểu 50% người lao động có thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu nhà ở được tiếp cận nhà ở xã hội. Xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt khoảng 30 m<sup>2</sup> sàn/người.

(8) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn đạt 50%; 90% hộ gia đình và 100% trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

(9) Có ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, trên 90% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hoá, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

(10) Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng 25% so với năm 2020.

### **2.3. Tầm nhìn đến năm 2045**

Phát triển chính sách xã hội toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và xây dựng con người Yên Bái



đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Phân đầu chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm các tỉnh khá trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong thực hiện chính sách xã hội**

Tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới và Kế hoạch số 19-KH/TW ngày 27/11/2023 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW; tiếp tục tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn xã hội, nhất là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn trong thực hiện các chính sách xã hội, đặc biệt là chính sách đối với người có công với cách mạng, chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội.

Các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và cụ thể hóa thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác toàn khóa, kế hoạch 5 năm và hằng năm; gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

Chỉ đạo xây dựng, ban hành và tiếp tục thực hiện các chương trình, nghị quyết, kế hoạch, đề án thực hiện nhiệm vụ phát triển chính sách xã hội; trọng tâm là lĩnh vực người có công, giảm nghèo bền vững, dân số, lao động, việc làm, phát triển nguồn nhân lực, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, văn hóa, thông tin, truyền thông, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kịp thời phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả cao; chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý nghiêm các sai phạm trong thực hiện các chính sách xã hội.



## **2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội**

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 42-NQ/TW và các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý và Nhân dân, nhất là người đứng đầu. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, xây dựng hình ảnh con người Yên Bái “*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo và hội nhập*”.

Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, lợi ích, ý nghĩa của chính sách xã hội. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng nhằm phát huy ý thức tự giác, chủ động của người dân, đặc biệt là các hộ nghèo trong việc vươn lên thoát nghèo, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện thuận lợi để người dân trên địa bàn tỉnh chủ động và nâng cao khả năng tự đảm bảo an sinh.

## **3. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội**

Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ hiệu quả hệ thống chính sách xã hội của Trung ương; đồng thời, chủ động nghiên cứu, xây dựng các chính sách xã hội đặc thù của tỉnh bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tỉnh và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.



Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số. Hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyên đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân.

Phân bổ, sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của Nhà nước để triển khai thực hiện các chính sách xã hội. Thực hiện lồng ghép các nguồn lực, nhất là nguồn lực thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa, huy động nguồn lực của cộng đồng, doanh nghiệp; tăng cường hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

#### **4. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng**

Tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác ưu đãi người có công với cách mạng, nhất là Chỉ thị của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công; quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần người có công, nhất là người có công ở vùng sâu, vùng xa, người gặp khó khăn trong cuộc sống, bảo đảm tất cả người có công và thân nhân người có công được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Triển khai đồng bộ chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi thường xuyên cho người có công và thân nhân với thực hiện các chính sách ưu đãi về chăm sóc sức khỏe, nhà ở, đất đai, giáo dục - đào tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội, giải quyết cơ bản tình trạng hộ gia đình người có công khó khăn về nhà ở, thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững đối với hộ có thành viên là người có công với cách mạng. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Phần đầu 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng thoát nghèo, thoát cận nghèo.



Giải quyết dứt điểm các tồn đọng về chính sách ưu đãi đối với người có công bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Tiếp tục tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; xây dựng, tu bổ, tôn tạo các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong tỉnh thực hiện phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, Phong trào “Toàn dân chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng” để thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người có công với cách mạng.

## **5. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động**

### *5.1. Thực hiện chính sách dân số và phát triển*

Thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi của tỉnh; điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng. Nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

### *5.2. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đào tạo nghề gắn với thị trường lao động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển giáo dục; giáo dục nghề nghiệp, góp phần phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, triển khai đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh. Tiếp tục rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng mở, linh hoạt, tinh gọn, hiện đại, hiệu quả, thực hiện kiểm định chất lượng nghề nghiệp. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở nhằm hướng nghiệp cho học sinh, phát triển giáo dục nghề nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và giảm tải đào tạo cho bậc trung học phổ thông. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp với các hình thức phù hợp; gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong đào tạo nghề theo nhu cầu, địa chỉ sử dụng lao động của doanh nghiệp nhằm giải quyết việc làm đầu ra sau đào tạo; gắn đào tạo nghề với đào tạo ngoại ngữ tạo nguồn lao động có chất lượng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và thời vụ.



Chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án và chính sách hỗ trợ đưa lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2024 - 2030, góp phần quan trọng giải quyết việc làm, nâng cao trình độ, thu nhập cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

### *5.3. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật, nhân lực chất lượng cao*

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2021-2030 gắn với Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện các chính sách thu hút, chính sách đào tạo bồi dưỡng để hình thành đội ngũ chuyên gia đầu ngành, đội ngũ kỹ sư có trình độ, đội ngũ lao động kỹ thuật có tay nghề cao ở một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp về nghiệp vụ quản lý, lãnh đạo trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp lần thứ tư; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp về kỹ năng quản trị, điều hành doanh nghiệp, nâng cao chất lượng lao động tại các doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### *5.4. Nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm, thông tin thị trường lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong tình hình mới*

Triển khai hiệu quả các giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động, đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; nâng cao hiệu quả công tác tư vấn giới thiệu việc làm; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm số lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng số lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và số lao động làm việc ở khu vực chính thức.

Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người dân tộc thiểu số, người có hoàn cảnh khó khăn. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động bị mất việc làm, thiếu việc làm. Đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và thời vụ.

Tổ chức các sàn giao dịch việc làm, phiên giao dịch việc làm dưới các hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của các địa phương trên địa bàn tỉnh, bảo đảm công khai, minh bạch và các lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động.



Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động. Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh theo hướng thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động.

#### **6. Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau**

Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội theo hướng trợ giúp toàn diện; kịp thời trợ giúp người dân khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế - xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, đặc biệt là cơ sở trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng, phát triển đội ngũ làm công tác xã hội theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ xã hội, từ thiện đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 và Nghị quyết số 61-NQ/TU ngày 20/10/2021 của Tỉnh uỷ về tiếp tục lãnh đạo hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Yên Bái cơ bản không còn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; mỗi năm xây dựng từ 3-5 xã, phường, thị trấn không có hộ nghèo; 100% người thuộc hộ nghèo được tiếp cận bảo hiểm y tế, 100% người thuộc hộ nghèo tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục công lập được miễn,



giảm học phí theo quy định. Duy trì tỷ lệ trẻ em thuộc các hộ nghèo đi học đúng độ tuổi từ 95% trở lên; tỷ lệ hộ nghèo được sử dụng các phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin đạt 75% trở lên.

Tăng cường giải pháp để tạo cơ hội và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật; có giải pháp phù hợp khuyến khích, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đặc biệt là nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân, góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm chi phí cho người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia.

## **7. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng**

*7.1. Về giáo dục:* Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy về một số nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025 và các đề án phát triển giáo dục của tỉnh. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Tiếp tục củng cố, phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu công nghiệp, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Đẩy mạnh thu hút nguồn lực thực hiện xã hội hóa giáo dục, đào tạo.

*7.2. Về y tế:* Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 62-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Đảm bảo điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển, nâng cao năng lực hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế



tuyên cơ sở nhằm tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao tầm vóc, thể lực cho Nhân dân; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế.

*7.3. Về phát triển văn hoá:* Đảm bảo môi trường văn hoá lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá gắn với phát triển du lịch, giữ gìn và khai thác các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số. Không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt là nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi tập trung đông người lao động... Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao chỉ số hạnh phúc của Nhân dân.

*7.4. Về thông tin:* Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình dịch vụ viễn thông, internet, điểm cung cấp thông tin công cộng ở cơ sở, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận thông tin.

*7.5. Về nhà ở:* Huy động sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị, nhất là chính quyền địa phương trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Trọng tâm là triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp, các hộ dân bị ảnh hưởng bởi



thiên tai, bão lũ. Hoàn thành Đề án hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2025 và thường xuyên rà soát, có giải pháp cải thiện điều kiện về nhà ở cho hộ nghèo.

Thực hiện các chính sách, pháp luật về nhà ở xã hội; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê mua nhà ở xã hội...; chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.

*7.6. Về nước sạch, vệ sinh môi trường:* Bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường xuyên bị thiên tai. Đảm bảo nguồn nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác. Hoàn thiện chính sách về nước sạch đồng bộ, thống nhất, liên ngành, liên vùng và bảo đảm an ninh nguồn nước. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp đủ mạnh để giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các đô thị, khu vực nông thôn, miền núi.

### **8. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội**

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng đội ngũ nhân viên công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa.

Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng trong việc chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật,



người cao tuổi, trẻ em. Khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động của Tỉnh ủy (Hoàn thành trong Quý II/2024).

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các cơ chế, chính sách; bố trí ngân sách để triển khai thực hiện các chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên đôn đốc việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động của Tỉnh ủy đến các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Tuyên giáo Trung ương (báo cáo),
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ**



**Đỗ Đức Duy**